TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2026/KDTM-PT
Ngày: 06/4/2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Như Mai
Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm
Bà Lưu Thị Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 06/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 22/2026/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2026 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1394/2025/KDTM-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1185/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4097/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: 89 đường H, phường H, quận Đ (nay là phường Đ), Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: ông L và bà N (Có mặt)

Địa chỉ: Tầng 1 – Số 96 đường T, Phường A, Quận B (nay là phường C), Thành phố hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng giao thông P

Địa chỉ: 20/5 đường C, Phường E, quận D (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện pháp luật: Ông Đ (Có mặt)

Địa chỉ gửi văn bản tố tụng: 173/23/125 đường V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đ (Có mặt)

Địa chỉ gửi văn bản tố tụng: 173/23/125 đường V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông V1 (vắng mặt)

Địa chỉ: 85/4/32 đường T, Phường F, Quận G (nay là phường Đ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông H (vắng mặt)

Địa chỉ: 16/126 Đường N, Khu phố M, Phường H, quận N (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được gửi đến Tòa án vào ngày 26/12/2023, và Văn bản số 4539/CV-KHDN-MN03 ngày 19/05/2025, về việc sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện; các bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần xây dựng giao thông P (gọi tắt là Công ty P) đã vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V) đã ký các giao dịch về tín dụng như sau:

1/ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số: 183-C-216667 ngày 06/12/2018 (Gọi tắng là hợp đồng tín dụng). Hạn mức tín dụng 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng); Thời hạn sử dụng thẻ là 60 tháng; lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là 28%/năm. Lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung về phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho cho Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) được công bố trên website http://www.V.com.vn.

Khoản vay này được bảo lãnh bởi các ông Đ; ông V1 và ông H theo các Hợp đồng bảo lãnh số 221/HĐBL/V – K ngày 06/12/2018; Hợp đồng bảo lãnh số 222/HĐBL/V – K ngày 06/12/2018; Hợp đồng bảo lãnh số 223/HĐBL/V – K ngày 06/12/2018;

Trong quá trình được cấp thẻ, Công ty P đã sử dụng và thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền cả gốc và lãi là 13.806.642.706 đồng. Tuy nhiên sau đó bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Do đó, từ ngày 22/9/2023, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Hiện nay số tiền còn thiếu nợ từ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 696.010.405 đồng; trong đó nợ gốc là 229.704.136 đồng; nợ lãi là 466.306.269 đồng.

2/ Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22899 ngày 08 tháng 08 năm 2022, được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với Công ty cổ phần xây dựng giao thông P. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng V đã giải ngân số tiền theo các khế ước nhận nợ sau:

1/ Khế ước nhận nợ số 090223-5289913-ONL-9 ngày 10 tháng 02 năm 2023 với số tiền cho vay là 300,000,000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng);

+ Thời hạn cho vay 06 tháng; từ ngày 10/02/2023 đến ngày 09/8/2023;

+ Lãi suất 20,00%/năm; biên độ: 10,00%/năm; Lãi suất cố định trong vòng 01 tháng, sau 01 tháng lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

+ Ngày chuyển lãi quá hạn là 15/9/2023.

+ Khoản vay này bị đơn thanh toán được 28.723.603 đồng tiền lãi.

2/ Khế ước nhận nợ số 100223-5289913-ONL-10 ngày 10 tháng 02 năm 2023 với số tiền cho vay là 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng);

+ Thời hạn cho vay 06 tháng; lãi suất 20.00%/năm; biên độ 10.00%/năm;

+ Lãi suất cố định trong vòng 01 tháng, sau 01 tháng lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

+ Ngày chuyển lãi quá hạn là 15/9/2023.

Khoản vay này bị đơn thanh toán được 27.725.774 đồng tiền lãi.

3/ Khế ước nhận nợ số 140223-5289913-ONL-11 ngày 14 tháng 02 năm 2023 với số tiền cho vay là 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng);

+ Thời hạn cho vay 06 tháng; lãi suất 20.00%/năm; biên độ 10.00%/năm;

Lãi suất cố định trong vòng 01 tháng, sau 01 tháng lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

Ngày chuyển lãi quá hạn là 15/9/2023.

Khoản vay này bị đơn thanh toán được 22.171.150 đồng tiền lãi.

4/ Khế ước nhận nợ số 200223-5289913-ONL-12 ngày 20 tháng 02 năm 2023 với số tiền cho vay là 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng);

+ Thời hạn cho vay 06 tháng; lãi suất 20.00%/năm; biên độ 10.00%/năm;

+ Lãi suất cố định trong vòng 01 tháng, sau 01 tháng lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

+ Ngày chuyển lãi quá hạn là 15/9/2023.

+ Khoản vay này bị đơn thanh toán được 22.018.079 đồng tiền lãi.

5/ Khế ước nhận nợ số 270223-5289913-ONL-13 ngày 27 tháng 02 năm 2023 với số tiền cho vay là 250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng); hạn cho vay 06 tháng; lai suất 20.00%/năm; biên độ 10.00%/năm; Lãi suất cố định trong vòng 01 tháng, sau 01 tháng lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

Ngày chuyển lãi quá hạn là 15/9/2023.

+ Khoản vay này bị đơn thanh toán được 23.077.003 đồng tiền lãi.

6/ Khế ước nhận nợ số 280223-5289913-ONL-14 ngày 28 tháng 02 năm 2023 với số tiền cho vay là 250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn cho vay 06 tháng; lãi suất 20.00%/năm; biên độ 10.00%/năm; Lãi suất cố định trong vòng 01 tháng, sau 01 tháng lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày chuyển lãi quá hạn là 15/9/2023.

+ Khoản vay này bị đơn thanh toán được 151.691 đồng tiền lãi.

7/ Khế ước nhận nợ số 140323-5289913-0NL-15 ngày 15 thang 03 nam 2023 voi số tiền cho vay là 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng); Thời hạn cho vay 06 tháng; lãi suất 20.00%/năm; biên độ 10.00%/năm; Lãi suất cố định trong vòng 01 tháng, sau 01 tháng lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày chuyển lãi quá hạn là 15/9/2023.

+ Khoản vay này bị đơn thanh toán được 153.741 đồng tiền lãi.

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Đ theo Hợp đồng bảo lãnh số: BGV/22899/HDBL ký ngày 08 tháng 08 năm 2022; Khoản tín dụng cấp cho Công ty P không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22899 ngày 08 tháng 08 năm 2022, Công ty P còn thiếu nợ số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2025 với tổng số tiền là: 3.090.582.494 đồng; trong đó nợ gốc là 1.996.00.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 30.717.709 đồng; Lãi quá hạn là 1.057.578.174 đồng; Lãi chậm trả là 6.286.611 đồng.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ bảo lãnh. Ngân hàng V đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty P để yêu cầu trả nợ, nghĩa vụ bảo lãnh nhưng các bên vẫn cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ bảo lãnh cho ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng V đã thực hiện việc khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu các bên thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ. Do đó, kính đề nghị Tòa án xem xét và phán quyết buộc:

1/ Công ty cổ phần xây dựng giao thông P phải trả ngay một lần cho Ngân hàng V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 3.786.592.899 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc Hợp đồng tín dụng hạn mức: 1.996.000.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 30.717.709 đồng;

+ Lãi quá hạn là 1.057.578.174 đồng;

+ Lãi chậm trả là 6.286.611 đồng.

- Gốc thẻ tín dụng là 229.704.136 đồng; nợ lãi là 466.306.269 đồng.

2/ Ngoài ra, từ ngày 01/10/2025 Công ty cổ phần xây dựng giao thông P vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V.

3/ Trường hợp Công ty cổ phần xây dựng giao thông P không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì:

+ Buộc các ông Đ, ông V1 và ông H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ còn thiếu cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

* Ý kiến của ông Đ đại diện pháp luật Công ty cổ phần giao thông Ttrình bày:

Ông xác nhận Công ty cổ phần xây dựng giao thông P có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần V 02 Hợp đồng tín dụng như nguyên đơn trình bày.

Đối với số tiền gốc còn thiếu ông xác nhận đúng như lời trình bày của nguyên đơn.

Đối với số tiền lãi, phạt phí thì do làm ăn khó khăn dẫn đến việc thanh toán tiền cho Ngân hàng không đúng thỏa thuận. Nay ngân hàng khởi kiện Công ty cổ phần giao thông P, với tư cách là đại diện pháp luật và người bảo lãnh đối với các khoản vay nêu trên ông đề nghị phía ngân hàng hỗ trợ giảm 50% tiền lãi. Thì ông sẽ thanh toán dứt điểm khoản nợ trên cho ngân hàng vào tháng 12 năm 2025.

Đối với khoản tiền gốc còn lại của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số: 183-C-216667 ngày 06/12/2018, ông cam kết sẽ thanh toán dứt điểm vào ngày 30/9/2025.

Do các khoản vay trên có sự bảo lãnh của những người liên quan theo thỏa thuận trong các Hợp đồng bảo lãnh đã ký. Do đó, bị đơn sẽ chịu trách nhiệm trả nợ đối với các khoản vay trên cho ngân hàng.

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22899 ngày 08 tháng 08 năm 2022, và Hợp đồng bảo lãnh số: BGV/22899/HDBL ký ngày 08 tháng 08 năm 2022; Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, Ngân hàng chỉ yêu cầu Công ty P báo cáo tài chính và Giấy phép kinh doanh; Các hợp đồng của các công trình đang thực hiện. Không yêu cầu công ty cung cấp các tài liệu liên quan đến nhân thân và hoạt động của ông H và ông V1. Ngoài ra, tại thời điểm ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên thì ông H và ông V1 đã nghỉ làm tại Công ty P theo Biên bản họp hội đồng quản trị ngày 25/12/2019. Do đó, ông sẽ là người chịu trách nhiệm bảo lãnh đối với hợp đồng vay này và đề nghị Ngân hàng V không buộc ông V1 và ông H chịu trách nhiệm bảo lãnh đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22899 ngày 08 tháng 08 năm 2022.

Ngoài ra, đối với 02 khoản vay trên, nếu Công ty cổ phần xây dựng giao thông P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho ngân hàng, thì ông sẽ là người chịu trách nhiệm đứng ra thanh toán cho ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng V không buộc ông H và ông V1 phải chịu trách nhiệm bảo lãnh cho các khoản vay này.

* Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H trình bày:

Ông H xác nhận có ký Hợp đồng bảo lãnh số 223/HĐBL/V- K ngày 06/12/2018. Do số tiền sử dụng trong thẻ là do Công ty Cổ phần P sử dụng nên ông H yêu cầu Công ty P phải chịu trách nhiệm đối với Ngân hàng (cụ thể là ông Đ). Trong trường hợp ông Đ không thanh toán được khoản nợ trên theo cam kết thì ông H sẽ chịu trách nhiệm đối với người bảo lãnh theo Hợp đồng sử dụng thẻ thẻ tín dụng đã ký kết.

* Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông V1 trình bày:

Ông V1 xác nhận có ký Hợp đồng bảo lãnh số 222/HĐBL/V- K ngày 06/12/2018. Do số tiền sử dụng trong thẻ là do Công ty Cổ phần P sử dụng nên ông Việt yêu cầu Công ty P phải chịu trách nhiệm đối với Ngân hàng (cụ thể là ông Đ). Trong trường hợp ông Đ không thanh toán được khoản nợ trên theo cam kết thì ông V sẽ chịu trách nhiệm đối với người bảo lãnh theo Hợp đồng sử dụng thẻ thẻ tín dụng đã ký kết.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với đối với các khoản vay như đã trình bày ở trên.

Đối với yêu cầu về trách nhiệm bảo lãnh, nguyên đơn xác định cụ thể như sau:

Trường hợp Công ty cổ phần xây dựng giao thông P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì:

+ Buộc ông Đ, ông V1 và ông H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ còn thiếu đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số: 183-C-216667 ngày 06/12/2018 (Gọi tắng là hợp đồng tín dụng) theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký là Hợp đồng bảo lãnh số 221/HĐBL/V – K ngày 06/12/2018; Hợp đồng bảo lãnh số 222/HĐBL/V – K ngày 06/12/2018; Hợp đồng bảo lãnh số 223/HĐBL/V – K ngày 06/12/2018;

+ Buộc ông Đ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ còn thiếu đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22899 ngày 08 tháng 08 năm 2022 theo Hợp đồng theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22899/HDBL ngày 028/08/2024.

Đại diện pháp luật của Bị đơn ông Đ thừa nhận số tiền gốc như nguyên đơn trình bày tại Tòa là đúng. Đối với số tiền lãi, đề nghị nguyên đơn giảm lãi cho Bị đơn vì hiện nay công ty làm ăn đang gặp khó khăn.

Đối với trách nhiệm thanh toán với số tiền còn thiếu lại của ngân hàng, Công ty P sẽ là người chịu trách nhiệm thanh toán. Trong trường hợp công ty không thanh toán được hoặc thanh toán không đầy đủ thì cá nhân ông sẽ là người đứng ra thanh toán.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đ, ông V1, ông H giữ nguyên lời trình bày như trên. Ngoài ra, ông V1 và ông H còn đề nghị ngân hàng xem lại trách nhiệm bảo lãnh của 02 ông, vì từ ngày 25/12/2019 các ông đã chấm dứt là thành viên công ty và không còn làm việc tại công ty này nữa.

Tại bản án sơ thẩm số 1394/2025/KDTM-ST, ngày 30/9/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 5 Quyết định:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V.

1.1 Buộc Công ty cổ phần xây dựng giao thông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ từ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số: 183-C-216667 ngày 06/12/2018 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2025 là 696.010.405 đồng; trong đó nợ gốc là 229.704.136 đồng; nợ lãi là 466.306.269 đồng.

1.2 Buộc Công ty cổ phần xây dựng giao thông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V với tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số EGV/22899 ngày 08/08/2022 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là: 3.090.582.494 đồng, trong đó: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng hạn mức: 1.996.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 30.717.709 đồng; Lãi quá hạn là 1.057.578.174 đồng; Lãi chậm trả là 6.286.611 đồng.

1.3 Phương thức thanh toán: Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 01/10/2025, Công ty cổ phần xây dựng giao thông P có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận theo các hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.4 Trường hợp Công ty cổ phần xây dựng giao thông P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên số tiền nợ thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số: 183-C-216667 ngày 06/12/2018 (Gọi tắt là hợp đồng tín dụng) thì buộc ông Đ, V1 và ông H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán đối với số tiền thẻ còn thiếu cho V theo các Hợp đồng bảo lãnh số 221/HĐBL/V–K ngày 06/12/2018; Hợp đồng bảo lãnh số 222/HĐBL/V–K ngày 06/12/2018; Hợp đồng bảo lãnh số 223/HĐBL/V– K ngày 06/12/2018;

1.5 Trường hợp Công ty cổ phần xây dựng giao thông P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên số tiền nợ của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số EGV/22899 ngày 08/08/2022 thì buộc ông Đ có nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền còn thiếu theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22899/HDBL ngày 08/08/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/10/2025, bị đơn – Công ty cổ phần xây dựng giao thông P kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm cho rằng Bản án sơ thẩm chưa thể hiện rõ ràng, chưa loại trừ các khoản lãi phạt chồng lãi gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đ là đại diện pháp luật của Công ty P trình bày: ông kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ông xác nhận toàn bộ nợ gốc và đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc trách nhiệm trả nợ gốc của công ty P. Tuy nhiên, về phần nợ lãi, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng giữa công ty và ngân hàng, khi phát sinh việc thay đổi lãi suất biên độ 10% dẫn đến số tiền lãi tăng cao nhưng ngân hàng không thông báo cho công ty biết để có kế hoạch trả nợ. Nay công ty mất khả năng thanh toán số lãi này là lỗi của ngân hàng về việc không thông báo đúng quy định. Ông cũng cho rằng ngân hàng tính lãi quá cao nhưng không cung cấp được số lãi đúng theo ý kiến của ông. Về phần nợ thẻ tín dụng quốc tế, ông đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ lãi, ông và 2 người bảo lãnh còn lại sẽ thanh toán số nợ gốc trong thời hạn 60 ngày.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng không đồng ý đề nghị miễn lãi của bị đơn. Trường hợp Công ty P thanh toán một lần toàn bộ số nợ thì ngân hàng sẽ xem xét giảm lãi cụ thể tại thời điểm Công ty P thanh toán. Không đồng ý hòa giải tại phiên tòa. Về việc tính lãi, hợp đồng có thỏa thuận về việc thay đổi lãi suất theo từng tháng với biên độ 10% và ngân hàng đã thực hiện đúng thông báo thay đổi cho khách hàng bằng rất nhiều hình thức: thông báo trên app của công ty đã đăng ký với ngân hàng, niêm yết công khai trên website của ngân hàng. Ông Đ đã có sự nhầm lẫn vì thực tế lãi suất điều chỉnh là giảm so với lãi suất các bên đã thỏa thuận. Lãi cao hơn chỉ khi khoản nợ chuyển quá hạn nên tính mức 150%. Việc thông báo được các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng nhưng điều khoản nào nguyên đơn không nhớ rõ, nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ thông báo cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 30/9/2025, Toà án nhân dân Khu vực 5 ban hành Bản án số 1394/2025/KDTM-ST. Bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Ngày 13/10/2025, bị đơn có đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của bị đơn là còn trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là công ty Cổ phần xây dựng giao thông P, có địa chỉ phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo:

(3.1) Trong đơn kháng cáo, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng thực tế tại phiên tòa, bị đơn xác định đồng ý toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, chỉ không đồng ý với phần lãi phát sinh. Bị đơn xác nhận thỏa thuận lãi suất cơ sở và biên độ 10%/năm được điều chỉnh định kỳ hàng tháng là đúng hợp đồng. Tuy nhiên, mỗi lần điều chỉnh phía nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ thông báo cho bị đơn về mức lãi suất điều chỉnh từng thời kỳ, thời điểm áp dụng, cách xác định lãi suất mới. Điều này dẫn đến bị đơn không biết, không kiểm soát và không dự liệu được nghĩa vụ tài chính của mình và ngân hàng vi phạm nghĩa vụ thông báo. Do đó, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không áp dụng mức lãi suất điều chỉnh để xác định tiền lãi. Hội đồng xét xử xem xét ý kiến này của bị đơn như sau:

Tại các khế ước nhận nợ số 090223-5289913-ONL-9 ngày 10 tháng 02 năm 2023, khế ước nhận nợ số 100223-5289913-ONL-10 ngày 10 tháng 02 năm 2023, khế ước nhận nợ số 140223-5289913-ONL-11 ngày 14 tháng 02 năm 2023, khế ước nhận nợ số 200223-5289913-ONL-12 ngày 20 tháng 02 năm 2023, khế ước nhận nợ số 270223-5289913-ONL-13 ngày 27 tháng 02 năm 2023, khế ước nhận nợ số 280223-5289913-ONL-14 ngày 28 tháng 02 năm 2023, khế ước nhận nợ số 140323-5289913-0NL-15 ngày 15 thang 03 năm 2023 các bên đều thỏa thuận tại điểm b khoản 5 Điều 1 như sau:

"*Trường hợp lãi suất cho vay trong hạn có sự điều chỉnh như quy định tại*

Điểm b này, Các Bên thống nhất rằng đến kỳ điều chỉnh lãi suất, Bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và sẽ thông báo cho Khách hàng theo quy định của pháp luật. Khách hàng chấp nhận mức lãi suất mới kể từ thời điểm Bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được điều chỉnh".

Như vậy các bên có thỏa thuận về việc Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng theo quy định của pháp luật. Nhưng đồng thời các bên cũng thỏa thuận rằng khách hàng chấp nhận mức lãi suất mới kể từ thời điểm Bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh chứ không phải từ thời điểm Khách hàng nhận được thông báo từ Ngân hàng. Bên cạnh đó, tại Hợp đồng cho vay hạn mức số EGV/22899 ngày 08/8/2022 là căn cứ để các bên ký các khế ước nhận nợ nêu trên, các bên đã thỏa thuận tại khoản 3, khoản 4 Điều 4 về trao đổi thông tin trong đó có nội dung khách hàng được coi là đã nhận được thông báo của Bên Ngân hàng khi Bên Ngân hàng đã thông báo bằng một trong các hình thức cho khách hàng trong đó có hình thức thông báo trên website chính thức của Ngân hàng. Hồ sơ thể hiện Ngân hàng đã cung cấp các tài liệu về việc thay đổi lãi suất từng thời kỳ đối với khoản tín dụng trên của bị đơn.

Các thỏa thuận về lãi và phương thức thông báo cho nhau nêu trên của đương sự là phù hợp với quy định pháp luật. Bị đơn không đồng ý với số tiền lãi của nguyên đơn yêu cầu nhưng cũng không cung cấp số tiền lãi theo ý kiến của bị đơn là bao nhiêu nên không có cơ sở để xem xét.

Những căn cứ đã viện dẫn ở trên cho thấy bị đơn lập luận nguyên đơn không gửi thông báo cho mình về việc thay đổi lãi suất nên không đồng ý thanh toán tiền lãi phát sinh là không có cơ sở để chấp nhận.

(3.2) Bị đơn còn kháng cáo đối với khoản nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 183-C-216667 vì tình hình công ty gặp khó khăn nên đề nghị chấp nhận cho bị đơn thanh toán nợ gốc và được miễn tiền lãi phát sinh. Đề nghị này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận, không đúng thỏa thuận của các bên theo Hợp đồng đã ký nên không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích ở trên, kháng cáo của bị đơn, Công ty cổ phần xây dựng giao thông P không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí:

Do bác kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 116, 117, 118, 119, 335, 336, 338, 401, 463, 464, 465, 466, của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/07/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của công ty Cổ phần xây dựng giao thông P, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1394/2025/KDTM-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V.

1.1 Buộc Công ty cổ phần xây dựng giao thông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ từ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số: 183-C-216667 ngày 06/12/2018 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2025 là 696.010.405 đồng; trong đó nợ gốc là 229.704.136 đồng; nợ lãi là 466.306.269 đồng.

1.2 Buộc Công ty cổ phần xây dựng giao thông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V với tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số EGV/22899 ngày 08/08/2022 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là: 3.090.582.494 đồng, trong đó: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng hạn mức: 1.996.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 30.717.709 đồng; Lãi quá hạn là 1.057.578.174 đồng; Lãi chậm trả là 6.286.611 đồng.

1.3 Phương thức thanh toán: Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 01/10/2025, Công ty cổ phần xây dựng giao thông P có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa

thuận theo các hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.4 Trường hợp Công ty cổ phần xây dựng giao thông P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên số tiền nợ thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số: 183-C-216667 ngày 06/12/2018 (Gọi tắt là hợp đồng tín dụng) thì buộc ông Đ, V1 và ông H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán đối với số tiền thẻ còn thiếu cho V theo các Hợp đồng bảo lãnh số 221/HĐBL/V–K ngày 06/12/2018; Hợp đồng bảo lãnh số 222/HĐBL/V–K ngày 06/12/2018; Hợp đồng bảo lãnh số 223/HĐBL/V– K ngày 06/12/2018;

1.5 Trường hợp Công ty cổ phần xây dựng giao thông P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên số tiền nợ của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số EGV/22899 ngày 08/08/2022 thì buộc ông Đ có nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền còn thiếu theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22899/HDBL ngày 08/08/2022.

2/ Về án phí:

2.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 107.731.858 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu Bảy trăm ba mươi mốt nghìn Tám trăm năm mươi tám đồng) Công ty cổ phần xây dựng giao thông P phải nộp.

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 40.447.000 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0028912 ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh (Nay là Phòng thi hành án Dân sự số 5), Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng Công ty cổ phần xây dựng giao thông P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty P đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0028259 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được

thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 5 Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Như Mai

